

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA CHO SINH VIÊN

Phạm Đào Tiên

Khoa Giáo dục, Trường Đại học Sài Gòn

Email: pdtien@sgu.edu.vn

Tóm tắt: Từ yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục – đào tạo theo Nghị quyết 29-NQ/TW, bài viết trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn của giáo dục định hướng năng lực và tiếp cận theo CĐR. Tác giả làm rõ khái niệm, vai trò, cũng như các cấp độ của CĐR trong chương trình đào tạo, đồng thời phân tích mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo – CĐR – phương pháp giảng dạy. Bài viết đề xuất việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực như học nhóm, học qua dự án, thực tập thực tế, và tham quan doanh nghiệp để giúp sinh viên chủ động lĩnh hội kiến thức, rèn luyện kỹ năng, thái độ, tư duy phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động. Trường đại học đóng vai trò trung tâm trong việc triển khai chiến lược giảng dạy hướng đến CĐR, thông qua thiết kế chương trình học gắn liền thực tiễn, đánh giá theo tư duy Bloom, và khuyến khích nghiên cứu khoa học sinh viên. Bài viết kết luận rằng việc áp dụng linh hoạt các PPDH tích cực là giải pháp then chốt để đảm bảo chất lượng đào tạo, giúp sinh viên thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện đại.

Từ khóa: Chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, giáo dục đại học, dạy học tích cực, năng lực sinh viên.

INNOVATING TEACHING METHODS TO MEET LEARNING OUTCOMES FOR STUDENTS

Pham Dao Tien

Faculty of Education, Saigon University

Email: pdtien@sgu.edu.vn

Abstract: In response to the fundamental and comprehensive education reform outlined in Resolution 29-NQ/TW, this paper presents the theoretical and practical foundations of competency-based education and outcome-based approaches. The author clarifies the concept, role, and levels of learning outcomes (LOs) in academic programs, and analyzes the relationship between training objectives, learning outcomes, and teaching methods. The article proposes the application of active teaching methods such as group learning, project-based learning, internships, and field visits to help students actively acquire knowledge, develop skills, attitudes, and thinking aligned with labor market demands. Universities play a central role in implementing teaching strategies oriented toward LOs through practice-based curriculum design, Bloom's taxonomy-based assessment, and encouragement of student research. The paper concludes that flexible use of active teaching methods is a key solution to ensuring training quality and enhancing students' adaptability to the rapid changes of modern society.

Keywords: Learning outcomes, teaching methods, higher education, active learning, student competence.

Nhận bài: 22/04/2025

Phản biện: 23/05/2025

Duyệt đăng: 26/05/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ một thập niên trở lại đây, đổi mới nền giáo dục và đào tạo Việt Nam được sự quan tâm rất lớn từ xã hội và các cơ quan quản lý nhà nước. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã chỉ rõ trong Nghị quyết 29-NQ/TW ban hành ngày 04-11-2013, đó là: “Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là khoa học giáo dục và khoa học quản lý”. Quán triệt thực hiện nội dung chỉ đạo của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có những đột phá trong khâu quản lý, điều hành, triển khai đổi mới giáo dục và đào tạo, đặc biệt là giáo dục đại học (GDĐH). Theo đó, Thủ tướng chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo, điều hành và văn bản hướng dẫn cho cơ sở GDĐH làm hành lang pháp lý cho việc đổi mới giáo dục theo định hướng năng lực, chú trọng giáo dục đáp ứng được chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT).

Thực tiễn GDĐH hiện nay đang theo xu thế tất yếu đó là chuyển từ mô hình giáo dục định hướng mục tiêu sang mô hình giáo dục theo năng lực mà cụ thể hơn là giáo dục định hướng CĐR. Với định hướng giáo dục CĐR, việc xây dựng nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và đánh giá SV đáp ứng các yêu cầu của CĐR được xem là một sự đổi mới nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Đồng thời, với cơ chế tự chủ trong GDĐH, yêu cầu các cơ sở GDĐH không chỉ minh bạch, công khai CĐR CTĐT cho SV và các bên liên quan biết mà còn phải cung cấp minh chứng SV tốt nghiệp đạt được những CĐR CTĐT đã tuyên bố với xã hội.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo

Trong tiếng Anh, khái niệm “intended learning outcomes”, “expected learning outcomes”, “learning outcome” tạm dịch là KQHT dự kiến, KQHT đầu ra. Tại Việt Nam, các khái niệm trên

được hiểu với nội hàm là CDR. CDR thể hiện những điều SV nên biết, hiểu và có năng lực thực hiện trên cơ sở trình độ văn bằng yêu cầu. CDR khẳng định những điều mà chúng ta muốn SV có khả năng biết, hiểu, làm khi hoàn thành một khóa đào tạo (Huba, Mary E. & Freed, Jann E., 2000). CDR là quy định về nội dung kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà SV có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu khác đối với từng trình độ, ngành đào tạo (Airasian, P. M., 2005). CDR nói chung là năng lực dự kiến/mong đợi SV làm được sau khi hoàn tất một buổi học, một môn học, một khóa học, một chương trình (Đoàn Thị Minh Trinh & Nguyễn Hội Nghĩa, 2014). CDR CTĐT là nội hàm chất lượng tối thiểu của người tốt nghiệp chương trình, là những chỉ số (indicators) về phẩm chất, kiến thức, kỹ năng/kỹ xảo, tính cách/hành vi và khả năng/năng lực hay tổng quát hơn là các kỹ năng cứng và kỹ năng mềm của sản phẩm đào tạo/SV có được sau khi kết thúc CTĐT (Lê Đức Ngọc & Trần Hữu Hoan, 2010).

Tại Việt Nam, Bộ GD-ĐT chính thức sử dụng thuật ngữ “chuẩn đầu ra” trong Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH năm 2010 về hướng dẫn xây dựng và công bố CDR ngành đào tạo, CDR là quy định về nội dung kiến thức chuyên môn; kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà SV có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành đào tạo (Bộ GD-ĐT, 2010).

Khái niệm CDR CTĐT được sử dụng phổ biến trong giáo dục theo nhiều tiếp cận khác nhau: Thứ nhất, CDR trong mối quan hệ giữa các cơ sở đào tạo, với các nhà tuyển dụng và xã hội; thứ hai, CDR trong mối quan hệ với CTĐT (Hoàng Thị Hương, 2018). Đối với cách tiếp cận thứ hai, CDR CTĐT và nội dung CTĐT có tính độc lập tương đối nhưng có mối quan hệ chặt chẽ, tác động, chi phối lẫn nhau, cùng hướng đến mục tiêu đào tạo của chương trình.

Chúng ta tiếp cận khái niệm CDR là các yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà SV đạt được ngay khi kết thúc quá trình đào tạo.

2.2. Phương pháp dạy học

Trong quá trình dạy học, PPDH là một nhân tố cơ bản quan trọng. Cùng với nội dung mà người học có thể chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, kỹ xảo theo những phương pháp khác nhau và kết quả đạt được cũng không giống nhau. Do tầm quan trọng đối với phương pháp và quá trình dạy học, đã từ

lâu PPDH luôn luôn là trung tâm chú ý của các nhà giáo trên thế giới và trong nước. Cho đến nay, có rất nhiều cách tiếp cận khác nhau trong quan điểm về khái niệm PPDH như

Theo Robert và cộng sự (2013), PPDH là một hệ thống những hành động có mục đích của giáo viên nhằm tổ chức hoạt động nhận thức và thực hành của học sinh, đảm bảo học sinh lĩnh hội nội dung học vấn.

Nguyễn Ngọc Quang (1993), PPDH cách thức làm việc của thầy và trò dưới sự chỉ đạo của thầy nhằm làm cho trò nắm vững kiến thức KN, kỹ xảo một cách tự giác, tích cực tự lực, phát triển những năng lực nhận thức và năng lực hành động, hình thành thế giới quan duy vật khoa học....

Như vậy, *PPDH có thể được hiểu là phương pháp, là cách thức, là con đường đã được người dạy hoạch định nhằm đạt được mục tiêu dạy học.*

2.3. Mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và phương pháp dạy học

Có mối quan hệ tương ứng giữa các cấp độ mục tiêu đào tạo và các cấp độ CDR. Mục tiêu môn học phục vụ mục tiêu CTĐT, mục tiêu CTĐT lại phục vụ mục tiêu của trường. Tương tự như vậy, CDR môn học đóng góp vào CDR của CTĐT, CDR CTĐT lại đóng góp vào CDR của trường. Nhìn chung, CDR tại cấp độ nào được sắp đặt tương ứng với mục tiêu đào tạo ở cấp độ đó. Tuy nhiên, mục tiêu đào tạo và CDR ở cùng cấp độ có sự khác nhau ít nhất 3 thuộc tính, đó là:

Một là, về mức độ tổng quát: mục tiêu đào tạo có phạm vi rộng hơn (đạt được sau khi kết thúc học tập một vài năm) so với CDR (đạt được tại thời điểm kết thúc học tập).

Hai là, về CDR: mục tiêu đào tạo đề cập đến những kết quả mà cơ sở giáo dục, chương trình hoặc môn học được kì vọng thực hiện, trong khi phát biểu CDR đề cập đến những gì SV được kì vọng là đạt tới.

Ba là, về các bên liên quan: liên quan đến mục tiêu đào tạo là những người bên ngoài tiến trình dạy và học gồm phụ huynh, chuyên gia giáo dục, người sử dụng lao động, cộng đồng còn liên quan đến CDR là những người bên trong tiến trình dạy và học gồm SV, người dạy (Nguyễn Lộc, Nguyễn Thị Lan Phương, 2016).

Chiến lược giảng dạy của nhà trường luôn hướng đến việc đáp ứng mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo, lấy phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng đáp ứng yêu cầu thực tiễn làm trọng tâm. Nhà trường luôn triển khai các hoạt động nhằm thực hiện phương pháp giảng dạy tích

cực, hướng đến CDR với bốn yếu tố: tư duy, kiến thức, KN, thái độ. SV được xem là tâm điểm và là chủ thể của quá trình đào tạo. Để thực hiện được điều đó, nhiều giải pháp đồng bộ đã được triển khai, trong đó giải pháp trọng tâm có tính đột phá chính là việc vận dụng tổng hợp các phương pháp giảng dạy tích cực trong tất cả các môn học. Các phương pháp giảng dạy được thiết kế và thể hiện trong đề cương chi tiết của từng môn học sau khi được thảo luận và thông qua bộ môn. Các nội dung về tự học, các PPDH như: học nhóm, thực tập thực tế, học qua dự án... được thể hiện trong đề cương chi tiết, giáo án bài giảng của GV. Khoa khuyến khích GV thực hiện nhiều PPDH, khuyến khích SV nghiên cứu khoa học hay thường xuyên tham gia các hội thảo chuyên ngành, nhằm tạo điều kiện cho SV vận dụng tối đa các kiến thức được học. Việc bám sát thang tư duy của Bloom trong quá trình xây dựng chiến lược giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá cho phép SV hiểu được và vận dụng được khối kiến thức đã được đào tạo. Chiến lược này bao gồm các chiến lược dạy học tích cực được áp dụng cho các môn học lý thuyết, các môn học dựa trên thực hành, các môn dựa trên dự án và các môn học dựa trên thực tế. Ngoài ra, chương trình đào tạo đã được thiết kế học phần thực tập tốt nghiệp, trong đó SV cần phải thực tập trong một công ty, doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục trong khoảng thời gian quy định (8 tuần), việc thực tập tốt nghiệp này giúp SV nâng cao kiến thức và kinh nghiệm làm việc. Hơn nữa, SV còn được tổ chức tham quan thực tế tại môi trường làm việc thực tiễn tại các công ty, doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục cũng được chú trọng nhiều, trong chương trình đào tạo đã được

thiết kế môn học tham quan thực tế, giúp cho SV củng cố lại kiến thức các môn học lý thuyết thông qua các hoạt động học tập, nghe báo cáo và cọ sát với thực tế tại các công ty, doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục. Từ đó, SV nắm bắt được các quy trình phát triển, môi trường làm việc thực tế. Đồng thời rèn luyện cho SV một số kỹ năng khảo sát, nghiên cứu, cập nhật các kiến thức thực tế, kỹ năng tiếng Anh cần thiết trong môi trường làm việc cho các tập đoàn xuyên quốc gia, vận dụng phương pháp học và làm việc theo nhóm khi tiếp cận với thực tế. Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng học được, SV có điều kiện mở rộng kiến thức của mình, tích lũy kinh nghiệm cho quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp. Tất cả các hoạt động trên cho thấy chương trình đào tạo luôn vận dụng các PPDH khác nhau nhằm đạt được mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo.

III. KẾT LUẬN

Với sự phát triển mạnh mẽ nhanh chóng của khoa học công nghệ và sự cạnh tranh quyết liệt trong môi trường toàn cầu hóa thì chất lượng đào tạo trở thành vấn đề sống còn của các cơ sở giáo dục ở bậc đại học. Việc vận dụng các PPDH tích cực mang lại rất nhiều lợi ích cho cả giảng viên và SV. Có nhiều phương pháp giảng dạy tích cực giúp SV học chủ động và trải nghiệm, mỗi phương pháp đều có những mặt thuận lợi và khó khăn riêng. Tùy vào từng mục tiêu và điều kiện cụ thể, giảng viên sẽ phối hợp linh hoạt các phương pháp trong quá trình giảng dạy của mình. Có thể nói các phương pháp giảng dạy tích cực giúp CTĐT đạt được các mục tiêu CDR, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của công nghệ và năng lực thích ứng của người tốt nghiệp trước sự thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010). Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH về hướng dẫn xây dựng và công bố Chuẩn Đầu Ra ngành đào tạo.
2. Huba, Mary E. & Freed, Jann E. (2000). *Learner-Centered Assessment on College Campuses*. Allyn & Bacon.
3. Airasian, P. M. (2005). *Classroom Assessment: Concepts and Applications*. McGraw-Hill.
4. Robert et al. (2013). *Instructional Design Frameworks and Intercultural Models*.
5. Nguyễn Ngọc Quang (1993). *Lý luận dạy học Hóa học, Tập 1*, Nxb ĐHSP.
6. Nguyễn Lộc, Nguyễn Thị Lan Phương (đồng chủ biên, 2016). *Phương pháp, kỹ thuật xây dựng chuẩn đánh giá năng lực đọc hiểu và năng lực giải quyết vấn đề*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
7. Đoàn Thị Minh Trinh & Nguyễn Hội Nghĩa (2014). Nghiên cứu về Chuẩn Đầu Ra trong giáo dục đại học.
8. Lê Đức Ngọc & Trần Hữu Hoan (2010). Tài liệu tảo đề của Bộ môn Lý luận dạy học.
9. Hoàng Thị Hương (2018). Các tiếp cận về Chuẩn Đầu Ra CTĐT trong trường đại học.
10. Tài liệu từ Dự án bài tập "Đổi mới PPDH đáp ứng CDR cho sinh viên".